

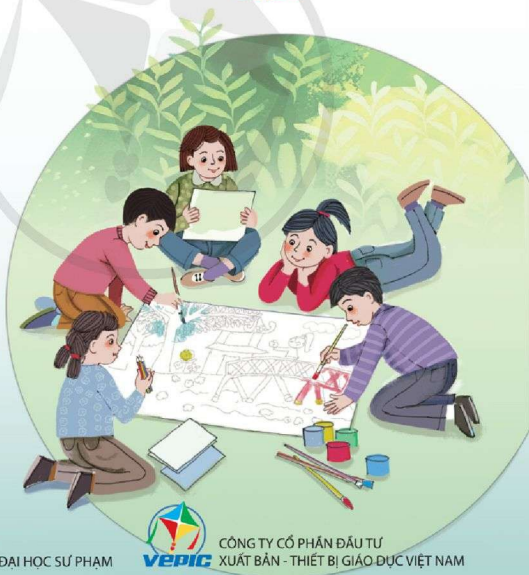


NGUYỄN THỊ ĐỒNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
PHẠM ĐÌNH BÌNH – NGUYỄN THỊ HUYỀN – NGUYỄN HẢI KIẾN

Mĩ thuật

4

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ ĐÔNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
PHẠM ĐÌNH BÌNH – NGUYỄN THỊ HUYỀN – NGUYỄN HẢI KIÊN

Mĩ thuật

4

SÁCH GIÁO VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Đọc bản mới nhất trên hoc10.vn

Bản mẫu

Lời giới thiệu

Sách giáo khoa **Mĩ thuật 4**, bộ sách Cánh Diều do Nhà xuất bản Đại học Sư phạm và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) tổ chức biên soạn, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 4434/QĐ-BGDĐT ngày 21/12/2022.

Đề tạo thuận lợi cho giáo viên tổ chức dạy học nội dung sách giáo khoa **Mĩ thuật 4** đạt được mục tiêu giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tập thể tác giả biên soạn Sách giáo viên gồm các nội dung sau:

• **Phần một. Giới thiệu nội dung, phương pháp, đồ dùng, thiết bị dạy học và cấu trúc **Mĩ thuật 4** – Sách giáo viên**

1. *Đặc điểm nội dung các chủ đề, bài học và dự kiến thời lượng dạy học*
2. *Phương pháp, đồ dùng, thiết bị dạy học và đánh giá kết quả giáo dục môn **Mĩ thuật 4***
3. *Giới thiệu cấu trúc hướng dẫn tổ chức dạy học các bài học **Mĩ thuật 4** trong sách giáo viên và một số lưu ý*

• **Phần hai. Hướng dẫn tổ chức dạy học các chủ đề, bài học**

Chủ đề 1. Sự thú vị của màu sắc

Chủ đề 2. Sự kết hợp thú vị của vật liệu khác nhau

Chủ đề 3. Hoạ tiết và trang phục

Chủ đề 4. Làm quen với không gian xa, gần

Bài ôn tập. Cùng nhau ôn tập học kì 1

Chủ đề 5. Những hình dạng khác nhau của hình, khối cơ bản

Chủ đề 6. Thể hiện sự cân đối, hài hoà

Chủ đề 7. Việt Nam quê hương em

Bài ôn tập. Cùng nhau ôn tập học kì 2

Trong quá trình biên soạn khó tránh khỏi thiếu sót, nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các giáo viên, cán bộ quản lí, các nhà chuyên môn và bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản.

Trân trọng cảm ơn!

Các tác giả

Phần một

GIỚI THIỆU NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ CẤU TRÚC MĨ THUẬT 4 – SÁCH GIÁO VIÊN

1. Đặc điểm nội dung các chủ đề, bài học và dự kiến thời lượng dạy học¹

Sách giáo khoa (SGK) Mĩ thuật 4 được biên soạn dựa trên định hướng đổi mới nội dung, phương pháp dạy học (PPDH), đánh giá kết quả giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Mĩ thuật và bảo đảm nội dung các yêu cầu cần đạt nêu trong Chương trình lớp 4. Theo đó, đặc điểm nội dung các chủ đề, bài học trong SGK Mĩ thuật 4 và dự kiến thời lượng dạy học (DH) như sau:

CÁC CHỦ ĐỀ		BÀI HỌC			
<i>Chủ đề và thời lượng dạy học (dự kiến)</i>	<i>Kiến thức trọng tâm</i>	<i>Bài</i>	<i>Tiếp cận chủ đề</i>	<i>Kiến thức trọng tâm và dạng bài</i>	<i>Dự kiến thời lượng dạy học</i>
Chủ đề 1 (4 tiết) Sự thú vị của màu sắc	Yếu tố màu sắc (độ đậm, nhạt của màu; màu nóng, màu lạnh).	Bài 1: Đậm, nhạt khác nhau của màu	Cuộc sống xung quanh (đồ vật, con vật, ngôi nhà, đồi núi,...).	Nhận biết độ đậm, nhạt của màu và vận dụng vào thực hành, sáng tạo.	2 tiết
		Bài 2: Màu nóng, màu lạnh	Phong cảnh quê hương.	Nhận biết màu nóng, màu lạnh và vận dụng vào thực hành, sáng tạo.	2 tiết

¹ – Căn cứ vào thực tế dạy học, giáo viên có thể điều chỉnh thời lượng của mỗi chủ đề, bài học (được đề xuất ở trên) miễn sao đạt được mục tiêu bài học đã đề ra (yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình) và bảo đảm tổng thời lượng quy định trong chương trình là 35 tiết/năm học.

– Nhà trường và giáo viên có thể sắp xếp lịch học luân phiên giữa các khối, lớp để có thể thực hiện dạy học với thời lượng 2 tiết liên nhau/buổi học/lớp học.

CÁC CHỦ ĐỀ		BÀI HỌC			
<i>Chủ đề và thời lượng dạy học (dự kiến)</i>	<i>Kiến thức trọng tâm</i>	<i>Bài</i>	<i>Tiếp cận chủ đề</i>	<i>Kiến thức trọng tâm và dạng bài</i>	<i>Dự kiến thời lượng dạy học</i>
Chủ đề 2 <i>(4 tiết)</i> Sự kết hợp thú vị của vật liệu khác nhau	Yếu tố chất cảm (bề mặt chất liệu khác nhau trên sản phẩm).	Bài 3: Những vật liệu khác nhau	Thiên nhiên, động, thực vật (cây cối, hoa, lá, con vật,...).	Nhận biết sự kết hợp của một số vật liệu để tạo bề mặt khác nhau và vận dụng vào thực hành, sáng tạo.	2 tiết
		Bài 4: Sắc hoa quê hương	Thiên nhiên, đồ lưu niệm (loài hoa quen thuộc trong văn hoá Phật giáo ở Việt Nam).	Luyện tập, thực hành tạo sự khác nhau của bề mặt chất liệu trên sản phẩm hoa.	2 tiết
Chủ đề 3 <i>(4 tiết)</i> Hoa tiết và trang phục	Yếu tố chấm, nét (mật độ khác nhau của chấm, nét).	Bài 5: Trang trí vải hoa	Đồ dùng cá nhân (hoa tiết trang trí trên trang phục của một số dân tộc ở Việt Nam).	Nhận biết được các chấm, nét trang trí dày, thưa trên trang phục và vận dụng vào trang trí mẫu vải hoa.	2 tiết
		Bài 6: Trang phục lễ hội		Luyện tập, tạo trang phục lễ hội và vận dụng mật độ của chấm, nét để trang trí trang phục.	2 tiết

CÁC CHỦ ĐỀ		BÀI HỌC			
<i>Chủ đề và thời lượng dạy học (dự kiến)</i>	<i>Kiến thức trọng tâm</i>	<i>Bài</i>	<i>Tiếp cận chủ đề</i>	<i>Kiến thức trọng tâm và dạng bài</i>	<i>Dự kiến thời lượng dạy học</i>
Chủ đề 4 (4 tiết) Làm quen với không gian xa, gần	Yếu tố không gian (vị trí, khoảng cách xa, gần).	Bài 7: Đường em đến trường	Nhà trường (sắp xếp hình ảnh xa, gần).	Nhận biết khoảng cách, vị trí hình ảnh thể hiện không gian xa, gần và vận dụng vào thực hành, sáng tạo.	2 tiết
		Bài 8: Thể thao vui khỏe	Xã hội (trò chơi trong lễ hội truyền thống ở Việt Nam).	Luyện tập, vận dụng vị trí xa, gần của hình ảnh vào thực hành, sáng tạo.	2 tiết
Bài ôn tập: Cùng nhau ôn tập học kì 1 (2 tiết)	Nội dung kiến thức, kỹ năng và chủ đề đã thực hành, thể hiện trong học kì 1.			Ôn tập những điều đã biết, đã học; có thể kết hợp thực hành, sáng tạo.	2 tiết
Chủ đề 5 (6 tiết) Những hình dạng khác nhau của hình, khối cơ bản	Yếu tố hình, khối (biến thể từ hình, khối cơ bản).	Bài 9: Những mái nhà thân quen	Gia đình, xã hội (ngôi nhà, dãy phố).	Nhận biết sự biến thể của hình cơ bản và vận dụng vào thực hành, sáng tạo.	2 tiết
		Bài 10: Nhạc cụ dân tộc	Gia đình, quê hương, đất nước (mang nét đặc trưng của nghệ thuật âm nhạc truyền thống Việt Nam).	Nhận biết hình dạng khác của khối cơ bản và vận dụng vào thực hành, sáng tạo.	2 tiết

CÁC CHỦ ĐỀ		BÀI HỌC			
<i>Chủ đề và thời lượng dạy học (dự kiến)</i>	<i>Kiến thức trọng tâm</i>	<i>Bài</i>	<i>Tiếp cận chủ đề</i>	<i>Kiến thức trọng tâm và dạng bài</i>	<i>Dự kiến thời lượng dạy học</i>
	Yếu tố hình, khối (biến thể từ hình, khối cơ bản).	Bài 11: Bánh ngon truyền thống	Gia đình, quê hương, đất nước (nét văn hoá ẩm thực truyền thống, đặc trưng ở một số vùng miền).	Luyện tập, vận dụng hình, khối cơ bản khác nhau vào thực hành, sáng tạo.	2 tiết
Chủ đề 6 (4 tiết) Thể hiện sự cân đối, hài hoà	Nguyên lí hài hoà (sự cân đối, hài hoà của yếu tố hình, màu sắc).	Bài 12: Trên cánh đồng quê em	Gia đình, quê hương, đất nước (lao động sản xuất và nghề nghiệp).	Nhận biết hình ảnh sắp xếp cân đối, màu sắc hài hoà ở sản phẩm mỹ thuật và vận dụng vào thực hành, sáng tạo.	2 tiết
		Bài 13: Sản phẩm thủ công truyền thống	Đồ cá nhân, đồ lưu niệm, đồ gia dụng.	Nêu được đặc điểm cấu trúc, tỉ lệ của một số sản phẩm thủ công truyền thống và vận dụng vào thực hành, sáng tạo.	2 tiết

CÁC CHỦ ĐỀ		BÀI HỌC			
<i>Chủ đề và thời lượng dạy học (dự kiến)</i>	<i>Kiến thức trọng tâm</i>	<i>Bài</i>	<i>Tiếp cận chủ đề</i>	<i>Kiến thức trọng tâm và dạng bài</i>	<i>Dự kiến thời lượng dạy học</i>
Chủ đề 7 (5 tiết) Việt Nam quê hương em	Kết hợp một số kiến thức và kĩ năng như: hình, khối, màu sắc, chấm, nét, không gian,...; vẽ, cắt, dán, in,...	Bài 14: Nông sản quê em	Thiên nhiên, gia đình, quê hương, đất nước (nông sản đặc trưng của Việt Nam).	Luyện tập, vận dụng những điều đã biết, đã thực hành và sáng tạo sản phẩm về nông sản đặc trưng của Việt Nam.	2 tiết
		Bài 15: Cảnh đẹp quê hương Việt Nam	Thiên nhiên, gia đình, quê hương, đất nước (một số di sản thiên nhiên trên đất nước Việt Nam).	Luyện tập, vận dụng những điều đã biết, đã thực hành và sáng tạo sản phẩm về cảnh đẹp trên quê hương Việt Nam.	3 tiết
Bài ôn tập: Cùng nhau ôn tập học kì 2 (2 tiết)	Nội dung kiến thức, kĩ năng và chủ đề đã thực hành, thể hiện trong học kì 2, kết hợp tổng kết năm học lớp 4.			Ôn tập những điều đã biết, đã học; có thể kết hợp với thực hành, sáng tạo.	2 tiết

Theo đó, có thể phân loại một số dạng chủ đề, bài học như sau:

- Dạng chủ đề, bài học hình thành kiến thức, kĩ năng và vận dụng vào thực hành, sáng tạo, chia sẻ cảm nhận gồm: chủ đề 1, 6; bài 3, 5, 7, 9, 10.
- Dạng chủ đề, bài học luyện tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, đã biết vào thực hành, sáng tạo và trao đổi, chia sẻ cảm nhận gồm: chủ đề 7; bài 4, 6, 8, 11.
- Bài học ôn tập, củng cố những điều đã học gồm: bài Cùng nhau ôn tập học kì 1, Cùng nhau ôn tập học kì 2.

2. Phương pháp, đồ dùng, thiết bị dạy học và đánh giá kết quả giáo dục môn Mỹ thuật 4

2.1. Phương pháp dạy học

Quá trình DH là sự kết hợp nhiều phương pháp với các kĩ thuật và hình thức DH theo cách khác nhau để phù hợp với nội dung, điều kiện DH và kinh nghiệm của giáo viên (GV). Ví dụ một số phương pháp, kĩ thuật DH sau:

– PPDH thường vận dụng: quan sát, trực quan, vấn đáp, gợi mở, thực hành, luyện tập, tổ chức trò chơi học tập, liên hệ thực tế, đánh giá,...

– PPDH tích cực: sử dụng tình huống có vấn đề, nêu và giải quyết vấn đề, DH theo dự án,...

– Kĩ thuật DH: động não (cộng não), khăn phủ bàn (khăn trải bàn), tia chớp, sơ đồ tư duy, phòng tranh, mảnh ghép, bể cá,...

2.1.1. Dạy học kết hợp thảo luận nghệ thuật với thực hành sáng tạo nghệ thuật

2.1.1.1. Bản chất

DH kết hợp, lồng ghép hoạt động thảo luận nghệ thuật với hoạt động thực hành sáng tạo nghệ thuật là một trong những điểm nhấn về định hướng đổi mới phương pháp giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Mỹ thuật, nhằm hướng tới hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (HS).

DH kết hợp, lồng ghép hoạt động thảo luận nghệ thuật với hoạt động thực hành sáng tạo nghệ thuật là hình thức tổ chức HS kết hợp học tập cá nhân với học tập hợp tác trong luyện tập, thực hành, sáng tạo và trao đổi, thảo luận. Quá trình học tập này bổ sung cho nhau góp phần mang lại hiệu quả cao trong quá trình học tập môn Mỹ thuật của HS.

Theo đó, khi tham gia vào hoạt động thảo luận nghệ thuật với hoạt động thực hành sáng tạo nghệ thuật, HS vừa làm quen với sáng tạo nghệ thuật vừa thưởng thức nghệ thuật; góp phần phát triển khả năng cảm thụ thẩm mỹ và sáng tạo ở HS, cũng như giúp HS nuôi dưỡng tình yêu nghệ thuật và cuộc sống.

2.1.1.2. Đặc trưng

*** Thảo luận nghệ thuật**

Tham gia thảo luận nghệ thuật là hình thức học tập hợp tác, giúp HS có thể:

– Quan sát, suy nghĩ và nói chuyện về sản phẩm của chính các em và quá trình thực hành.

- Tiếp cận, trao đổi về các tác phẩm của nghệ sĩ và sự sáng tạo của họ.
- Khám phá, phát triển nhận thức, kĩ năng và tạo ra các ý tưởng cho sáng tạo nghệ thuật.
- Học cách mô tả, phân tích, giải thích và đánh giá hình ảnh trong các hình thức khác nhau.
- Phát triển nhận thức về vai trò của nghệ thuật trong đời sống, xã hội; khả năng phân biệt thẩm mỹ và giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề.

*** Thực hành sáng tạo nghệ thuật**

Tham gia vào quá trình thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật, HS có cơ hội:

- Tạo ra các sản phẩm mỹ thuật biểu đạt suy nghĩ, cảm xúc, thể hiện sự hiểu biết và ý tưởng của mình theo các hình thức thực hành khác nhau.
- Tìm hiểu, khám phá, thử nghiệm nhiều hình thức, chất liệu,... phương pháp thực hành sáng tạo.
- Học hỏi kinh nghiệm, học tập những ý tưởng từ bạn bè và người khác.
- Phát triển hiểu biết về nghệ thuật, khả năng thu nhận thông tin, giải quyết vấn đề và quyết định làm thế nào để thể hiện hình ảnh, ý tưởng trên sản phẩm của mình/của nhóm.

2.1.1.3. Quy trình thực hiện

Trong tổ chức HS thảo luận nghệ thuật kết hợp với thực hành sáng tạo nghệ thuật, GV có thể tổ chức như sau:

- Bố trí HS học tập theo nhóm, tùy vào nội dung và yêu cầu cần đạt để tổ chức HS thực hành tạo sản phẩm cá nhân hoặc phối hợp tạo sản phẩm nhóm.
- Giao nhiệm vụ thực hành cho cá nhân/nhóm; gợi mở nội dung trao đổi, thảo luận, chia sẻ, nêu vấn đề,... giữa các thành viên ở mỗi nhóm trong thực hành.
- Đánh giá mức độ làm việc của các thành viên trong mỗi nhóm hoặc toàn nhóm và giữa các nhóm, dựa trên nhiệm vụ học tập và yêu cầu cần đạt của từng hoạt động và nội dung bài học.

2.1.1.4. Một số lưu ý

- GV cần gợi mở, khích lệ HS tham gia thảo luận, khuyến khích HS nêu ý kiến/vấn đề và lắng nghe chia sẻ của bạn. Các nội dung gợi mở, định hướng cho HS thảo luận, chia sẻ cần gắn với mục tiêu, yêu cầu cần đạt trong mỗi hoạt động cụ thể

(quan sát, nhận biết, thực hành, sáng tạo, nêu nhận xét, nêu cảm nhận,...); cũng như góp phần bồi dưỡng cho HS các phẩm chất chủ yếu có thể được hình thành thông qua bài học và sản phẩm thực tế của HS.

– Đặc trưng của tổ chức DH kết hợp thảo luận nghệ thuật với thực hành sáng tạo nghệ thuật là thông qua hoạt động nhóm học tập. Do vậy, GV cần khai thác, sử dụng hiệu quả phương pháp tổ chức nhóm học tập (DH hợp tác) phù hợp với những thời điểm khác nhau trong tiến trình DH. Đồng thời, GV cần kết hợp, vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức và các kĩ thuật DH như: quan sát, trực quan, vấn đáp, gợi mở, nêu vấn đề, sử dụng tình huống có vấn đề, liên hệ thực tiễn, tổ chức trò chơi, vận dụng DH trải nghiệm,... và các kĩ thuật DH như: động não, khăn phủ bàn, sơ đồ tư duy, tia chớp, bể cá,...; cũng như có thể vận dụng một số hình thức tổ chức hoạt động như: vẽ cùng nhau và sáng tạo câu chuyện, xây dựng cốt truyện,...

2.1.2. Dạy học tích hợp

DH tích hợp là DH theo định hướng phát triển ở HS khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng,... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập, cuộc sống và được thực hiện ngay trong quá trình lĩnh hội tri thức, rèn luyện kĩ năng.

DH tích hợp gồm một số kiểu sau:

– DH tích hợp nội môn: là cách DH trong đó có những nội dung được thiết kế dựa trên hai hay nhiều phần của môn học với mục tiêu nhận thức được hiện tượng hay giải quyết được vấn đề dựa trên sự tích hợp và tổng hợp các kiến thức, kĩ năng từ các phần khác nhau của môn học. Theo đó, các môn vẫn được học riêng rẽ, nhưng trong quá trình giảng dạy, tích hợp được thực hiện thông qua việc loại bỏ những nội dung trùng lặp trong bản thân môn đó, khai thác sự hỗ trợ giữa các phân môn, giữa các phần trong một phân môn hay một môn học.

Trong SGK Mĩ thuật 4, nội dung các bài học được thiết kế tập trung vào một số hướng tích hợp như: kết hợp tìm hiểu tác giả, tác phẩm với hình thành kiến thức, kĩ năng và vận dụng thực hành; kết hợp hình thức vẽ với xé, cắt, dán; kết hợp hình thức vẽ với in, cắt, dán,...

– DH tích hợp liên môn: GV liên hệ kiến thức, kĩ năng của môn học với nội dung học tập của một số môn học khác như: Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lí, Đạo đức, Khoa học, Toán, Âm nhạc,... giúp HS liên hệ được nội dung bài học/chủ đề với môn học khác và phát triển trong học tập.

– DH tích hợp xuyên môn: là nội dung DH vượt qua kiến thức và kỹ năng từng môn học, xem xét các vấn đề một cách toàn diện. Trong cách tiếp cận tích hợp xuyên môn, GV tổ chức chương trình học tập xoay quanh các vấn đề và mối quan tâm của HS, gia đình, xã hội; giúp HS phát triển các kỹ năng sống và áp dụng vào ngữ cảnh thực tế của cuộc sống.

Ví dụ: Bên cạnh việc có thể tích hợp giáo dục một số vấn đề như: ý thức tiết kiệm; bảo vệ môi trường, cảnh quan; an toàn giao thông; nội dung SGK Mĩ thuật 4 có thể tích hợp giáo dục nét văn hoá truyền thống mang đặc trưng của vùng miền như: nghề thủ công truyền thống, lễ hội, ẩm thực, âm nhạc, lao động sản xuất,...

2.1.3. Dạy học mở, dạy học cá thể hoá hoạt động của học sinh và dạy học phân hoá

Đây là cách tiếp cận DH hướng đến phát triển phẩm chất, năng lực HS.

Nếu DH mở nhấn mạnh đến việc mở rộng tiếp cận nội dung DH, giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập bằng nhiều cách/nhiều con đường khác nhau và cùng hướng đến mục tiêu thì DH cá thể hoá hoạt động của HS cho phép tổ chức các hoạt động học tập đề cao tính độc lập, chủ động của HS trong học tập (cá nhân, nhóm). Còn DH phân hoá hướng đến thiết kế đa dạng mức độ, nhiệm vụ học tập để phù hợp với khả năng, phong cách học,... khác nhau của nhiều HS và cho phép HS (cá nhân, nhóm) được chọn cách học/cách giải quyết vấn đề theo sở thích, phù hợp với bản thân. Như vậy, có thể nói DH mở, DH cá thể hoá hoạt động của HS và DH phân hoá là những “mắt xích” trong chuỗi tiến trình tổ chức các hoạt động DH hướng đến phát triển phẩm chất, năng lực HS.

Trong SGK Mĩ thuật 4, để tạo thuận lợi cho GV thực hiện DH mở, DH cá thể hoá hoạt động của HS và DH phân hoá, mỗi chủ đề, bài học được thiết kế theo hướng sau:

Tiếp cận kiến thức: Từ nguồn thông tin, tư liệu khác nhau, việc tìm hiểu, khám phá kiến thức của bài học trong SGK chủ yếu thông qua hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống và trong nghệ thuật (sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật), từ đó sẽ gợi mở cho GV có thể mở rộng tiếp cận kiến thức từ các hình ảnh là vật thật/mẫu thật sẵn có,... hoặc sưu tầm hình ảnh ở địa phương, sách báo, phương tiện truyền thông, nguồn internet,... làm nội dung DH trở nên phong phú, hấp dẫn hơn.

Thực hành/giải quyết vấn đề, nhiệm vụ học tập: bằng nhiều cách/hình thức khác nhau. Thông qua mỗi bài học trong SGK, HS sẽ biết nhiều hơn một cách vận dụng kiến thức vào thực hành, sáng tạo, tức là biết nhiều con đường để đi đến mục tiêu và HS được chọn cách theo ý thích/đường đi phù hợp với khả năng của bản thân để

về đích. Nhờ đó, HS sẽ được khám phá, trải nghiệm nhiều hơn trong học mĩ thuật; đồng thời làm tăng thêm hứng thú học tập, kích thích khả năng tư duy độc lập, sáng tạo ở HS trong thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề trong học tập, thực hành ở HS.

Nội dung các bài học giới thiệu nhiều cách thực hành là giúp GV có thêm ý tưởng để gợi ý, mở rộng, phát triển nội dung bài học; GV cũng được chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong tổ chức HS tạo sản phẩm cá nhân hoặc sản phẩm nhóm phù hợp với thời điểm DH (chủ đề, bài học) và khả năng thực hiện của HS (cá nhân, nhóm) trong điều kiện DH cụ thể.

2.1.4. Dạy học hướng đến sự phù hợp với những phong cách học và phát triển trí thông minh ở học sinh

Trong DH, việc phối hợp, sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật DH và các hình thức tổ chức học tập phù hợp với nội dung, điều kiện DH cụ thể (đối tượng HS, địa điểm, không gian DH,...) là hướng đến huy động kiến thức, kinh nghiệm và kích thích HS: Sáng tạo từ quan sát; Sáng tạo từ trí nhớ; Sáng tạo từ tưởng tượng.

Bên cạnh đó, quá trình học của HS chính là sự tiếp nhận, tích lũy thông tin từ nhiều kênh khác nhau, cũng như vận dụng những cách thức hoạt động khác nhau để xử lí thông tin và giải quyết vấn đề. Do vậy, trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động DH, GV có thể tham khảo và vận dụng một số phong cách, kênh học tập đa giác quan và phát triển trí thông minh ở HS như sau²:

Phong cách học của HS:

– Phong cách học toàn diện: HS thường chú ý đến cái chung, tổng thể và sự khái quát trước khi đi vào chi tiết. Những HS này thường thích làm việc theo nhóm, trong một không gian mở, hấp dẫn và không khí vui vẻ.

– Phong cách học theo thứ tự: HS thích tìm hiểu thông tin theo từng bước, cần những chi tiết trước để hiểu được một tổng thể thống nhất; muốn những thông tin được trình bày theo một chuỗi trình tự và thích có sự xác định rõ cái gì đến trước, cái gì đến sau và cái gì quan trọng. Những HS này thường muốn làm việc một mình, trong một không gian yên tĩnh.

– Phong cách học linh hoạt: HS thường biết điều chỉnh cách học của mình thích ứng với hoàn cảnh. HS có khả năng kết hợp, xen kẽ giữa hai phong cách với nhau: phong cách học toàn diện và phong cách học theo thứ tự, làm cho cách học của mình thích ứng với môi trường và thích ứng với những con người trong tình huống học.

² Theo: Kirster Fugl, "Li thuyết giảng dạy về giảng dạy Mĩ thuật Đại học Sealand" – *Đan Mạch*, 2009; *Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài liệu dạy học Mĩ thuật dành cho giáo viên tiểu học, Dự án Saeps, NXB Giáo dục Việt Nam*, 2016.

Kết hợp vận dụng các giác quan:

- Thính giác: HS học tốt hơn bằng cách lắng nghe và thảo luận.
- Thị giác: HS học tốt hơn thông qua nhìn/quan sát đối tượng.
- Xúc giác: HS học tốt hơn khi làm việc bằng đôi tay của mình trong các hoạt động thực hành.
- Giác quan vận động: Cơ thể là một phần của quá trình học. HS học tốt hơn khi vận động cơ thể trong những tình huống cụ thể.

Phát triển trí thông minh cho HS:

– *Trí thông minh về ngôn ngữ:* là khả năng ghi nhớ từ ngữ, nhịp điệu của âm từ và nhớ mặt chữ nhanh hơn. Người học có trí thông minh này thường thích thú với việc thuyết trình, kể chuyện, viết, đọc sách, tranh luận,... và sử dụng lời nói trong giao tiếp.

– *Trí thông minh về logic – toán học:* là khả năng làm việc với các con số, mô hình trừu tượng và suy luận, giải thích,... Người học có trí thông minh này sẽ có khả năng tính toán nhanh và giải quyết vấn đề bằng việc xác định nguyên nhân, chuỗi các sự kiện, tìm quy tắc dựa trên các khái niệm và tính logic.

– *Trí thông minh về âm nhạc:* là khả năng cảm nhận, thưởng thức và tạo ra các tiết tấu, nhịp điệu. Người học có trí thông minh này sẽ thích hoạt động với âm nhạc và tiếp thu bài học tốt hơn khi đọc thành lời hoặc biến thành giai điệu dễ nhớ.

– *Trí thông minh về hình ảnh không gian:* là khả năng suy nghĩ, cảm nhận, lĩnh hội thông tin bằng hình ảnh và sử dụng hình ảnh để mô tả sự vật, hiện tượng,... Người học có trí thông minh này thường thích hoạt động với mỹ thuật và các lĩnh vực khác liên quan như: kiến trúc, nhiếp ảnh, thủ công,....

– *Trí thông minh về vận động thể chất:* là khả năng vận động và điều khiển hoạt động cơ thể một cách khéo léo. Người học có trí thông minh này thường năng động và có xu hướng khỏe mạnh hơn các bạn khác, thích đóng kịch, khiêu vũ, chơi thể thao và thể hiện bản thân, truyền đạt thông điệp bằng ngôn ngữ cơ thể.

– *Trí thông minh về tương tác cá nhân:* là khả năng hiểu và giao tiếp được với người khác. Người học có trí thông minh này thường thích nói trước đám đông, dễ kết bạn, thích làm việc theo nhóm,... và dễ đạt được thành công trong cuộc sống.

– *Trí thông minh về nội tâm:* là năng lực tự nhận thức về bản thân. Người học có trí thông minh này sẽ hướng nội, thích suy nghĩ và làm việc một mình, hiểu rõ cảm xúc

và biết yêu thương bản thân; có tính tự lập và tự giác tốt; muốn được tôn trọng, cần có không gian riêng và biết tự xác định mục tiêu cho riêng mình.

– *Trí thông minh về thiên nhiên*: là khả năng nhận dạng và phân loại động, thực vật trong môi trường. Người học có trí thông minh này thường thể hiện mối quan tâm đến động, thực vật và cuộc sống thiên nhiên; thích tìm hiểu các hiện tượng tự nhiên, động vật, trồng và chăm sóc cây cối.

2.2. Đồ dùng, thiết bị dạy học

2.2.1. Một số đồ dùng, thiết bị dạy học Mĩ thuật trong phòng học bộ môn

(Theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học).

- Giá vẽ, bảng học nhóm, bảng cá nhân, kẹp giấy.
- Màu goát, bút lông, bảng pha màu (palet), xô rửa bút, tạp dề.
- Đất nặn, bộ công cụ thực hành với đất nặn.
- Các hình khối cơ bản.

2.2.2. Sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học của một số môn học/hoạt động giáo dục khác vào dạy học môn Mĩ thuật 4

Trong DH môn Mĩ thuật 4, GV có thể sử dụng, khai thác một số đồ dùng, thiết bị DH của một số môn học khác như:

- Môn Đạo đức: Bộ tranh về yêu thương gia đình, về quê hương, về Tổ quốc Việt Nam, về biết ơn người lao động và những người có công với quê hương, đất nước,...
- Môn Lịch sử và Địa lí: Bộ tranh về một số địa danh lịch sử, địa lí trên đất nước Việt Nam.
- Môn Toán: Bộ thiết bị về hình thang, hình bình hành, hình thoi, khối hộp chữ nhật,...
- Môn Âm nhạc: Một số nhạc cụ trong học tập và biểu diễn nghệ thuật,...

2.3. Đánh giá kết quả giáo dục

2.3.1. Yêu cầu chung

Ngày 04/9/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT về quy định đánh giá HS tiểu học, có hiệu lực từ ngày 20/10/2020. Bên cạnh đó, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Mĩ thuật có một số định hướng về đánh giá như sau:

– Nội dung, tiêu chí đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt đối với chương trình lớp 4.

– Chú ý đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng của HS trong học tập và những tình huống cụ thể trong thực tiễn, với mức độ đơn giản.

– Không nên coi trọng mức độ HS hoàn thành sản phẩm, không nên so sánh giữa HS này với HS khác hoặc giữa các HS/nhóm HS.

– Đánh giá cần dựa trên năng lực và chính sự tiến bộ của mỗi HS/nhóm HS trong quá trình học tập như: chuẩn bị bài học; quan sát, thực hành, thảo luận, hợp tác; chia sẻ ý tưởng, bày tỏ cảm xúc; nêu ý kiến và trả lời câu hỏi; trưng bày, thuyết trình, giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật; tự đánh giá, tham gia đánh giá đồng đẳng; tham gia hoạt động mỹ thuật trong và ngoài nhà trường;... và sản phẩm cá nhân/sản phẩm nhóm.

– Đánh giá để giúp HS cải thiện kết quả học tập, kích thích hứng thú và nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ, tình yêu nghệ thuật; cũng như bảo đảm HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực mỹ thuật; hạn chế tối đa tính chủ quan, áp đặt của người đánh giá. Cần quan tâm đến những HS có sự khác biệt so với các HS khác về tâm lý, sở thích, về khả năng và điều kiện tối thiểu học tập; thông tin cho HS biết về thời điểm, hình thức, công cụ và các tiêu chí đánh giá.

– Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức đánh giá như: quan sát, đặt câu hỏi (theo các mức độ: Biết, Hiểu, Vận dụng); trao đổi, phỏng vấn, phiếu học tập, mô hình, bài kiểm tra,...

– Để thống nhất với việc lồng ghép, kết hợp hoạt động thực hành và thảo luận, trong đánh giá cần đánh giá sản phẩm thực hành kết hợp với thảo luận, chia sẻ,... hoặc viết tên sản phẩm và lời giới thiệu nội dung, kiến thức sử dụng để sáng tạo hình ảnh ở sản phẩm,...; liên hệ sử dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn;...

2.3.2. Đánh giá kết quả giáo dục hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất học sinh

– Đánh giá kết quả hoạt động quan sát và nhận thức thẩm mỹ: là đánh giá khả năng quan sát, tham gia thảo luận, nêu và phản hồi ý kiến; khả năng cảm thụ thẩm mỹ, thu nhận (đọc, hiểu) thông tin ở đối tượng quan sát và chia sẻ hiểu biết, cảm nhận; khả năng liên hệ những gì quan sát với trí nhớ, tưởng tượng và ý tưởng thực hành,...

– Đánh giá kết quả hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: dựa trên sản phẩm và quá trình thực hành kết hợp tham gia thảo luận của HS. Trong đó, chú ý đánh giá khả năng chia sẻ ý tưởng, khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, thực hiện hình thức

thực hành và lựa chọn, sử dụng hoạ phẩm, công cụ, vật liệu sẵn có,...; khả năng làm việc độc lập và hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ; khả năng chia sẻ ý tưởng sử dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn;...

– Đánh giá kết quả hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Chú ý đánh giá khả năng cảm nhận thẩm mỹ thông qua trao đổi, phát biểu ý kiến và phản hồi; chia sẻ vốn hiểu biết, kinh nghiệm thực hành và những điều học hỏi được từ bạn bè, từ sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật yêu thích; thể hiện tình cảm, thái độ, sự thăng thấn và tôn trọng trong nhận xét, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm thực hành; giới thiệu tác giả, thương thức sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

– Đánh giá kết quả giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất: dựa trên quá trình và ý thức học tập của HS; trong đó, cần xuất phát từ các phẩm chất và năng lực gắn với môn học như: chuẩn bị đồ dùng, công cụ, vật liệu,...; bày tỏ cảm xúc, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận, biểu hiện thái độ, hành vi ứng xử trước đối tượng thẩm mỹ; thể hiện niềm tự hào về truyền thống văn hoá nghệ thuật của quê hương, đất nước; thăng thấn trong chia sẻ, nhận xét kết quả học tập, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật của bạn bè và người khác; có ý thức làm đẹp cho bản thân và môi trường xung quanh;...

3. Giới thiệu cấu trúc hướng dẫn tổ chức dạy học các bài học Mĩ thuật 4 trong sách giáo viên và một số lưu ý

3.1. Cấu trúc hướng dẫn tổ chức dạy học các bài học Mĩ thuật 4 trong sách giáo viên

CHỦ ĐỀ:

Bài: (... tiết)

I. MỤC TIÊU

- 1. Năng lực mĩ thuật**
- 2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác**
- 3. Phẩm chất**

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

- A. TỔ CHỨC KHỞI ĐỘNG**
- B. TỔ CHỨC DẠY HỌC**
 - 1. Quan sát, nhận biết**
 - 2. Thực hành, sáng tạo**
 - 3. Cảm nhận, chia sẻ**
 - 4. Vận dụng**



Lưu ý:

– Mỗi hoạt động: Quan sát, nhận biết; Thực hành, sáng tạo; Cảm nhận, chia sẻ; Vận dụng được trình bày theo cấu trúc như sau:

a. Mục tiêu

Mức độ đạt được của HS (nắm được kiến thức, cách thực hành, tạo được sản phẩm, chia sẻ được cảm nhận,...) trong và sau khi học, hướng đến đạt mục tiêu bài học.

b. Gợi ý dạy học

Hướng dẫn tổ chức DH phù hợp với nội dung và đạt được mục tiêu của hoạt động, hướng đến đạt mục tiêu bài học.

c. Gợi ý mở rộng

Gợi mở thêm ý tưởng tổ chức DH. Ví dụ: liên hệ thực tiễn; sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức; sử dụng đồ dùng, thiết bị DH,... để phát triển nội dung bài học.

– Đối với hoạt động Quan sát, nhận biết:

+ GV kết hợp sử dụng kênh hình với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, kích thích HS tìm hiểu, khám phá, phát hiện kiến thức trọng tâm của bài học.

+ GV tổ chức HS thực hiện nhiệm vụ: linh hoạt giữa làm việc cá nhân, làm việc nhóm và phù hợp với mức độ nhiệm vụ/câu hỏi/vấn đề học tập,...; quy mô các thành viên trong nhóm nên thay đổi ở từng thời điểm học tập cụ thể. (Ví dụ: nhóm 2/cặp, nhóm 3, nhóm 4,...).

+ GV cần hướng dẫn HS tự đánh giá và tham gia đánh giá (trả lời, chia sẻ, nhận xét, bổ sung,...) theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

– Đối với hoạt động Thực hành, sáng tạo:

+ GV cần căn cứ vào phân bố nội dung DH ở mỗi tiết để thiết kế hoạt động và giao nhiệm vụ thực hành, thảo luận cụ thể cho HS (cá nhân/nhóm).

+ Trong hướng dẫn HS cách thực hành, GV cần chú trọng hướng dẫn HS vận dụng kiến thức trọng tâm của bài học (độ đậm, nhạt của màu; màu nóng, màu lạnh; mật độ của chấm, nét; không gian xa, gần,...) vào thực hành, sáng tạo sản phẩm; hướng dẫn, gợi mở HS chọn nội dung thể hiện và xác định: hình ảnh chính, phụ,... trên sản phẩm.

+ Trong tổ chức HS thực hành, sáng tạo, GV cần linh hoạt tổ chức HS tạo sản phẩm cá nhân/nhóm phù hợp với điều kiện DH, khả năng, tiến độ, sở thích của HS ở mỗi bài học và giao nhiệm vụ cụ thể: thực hành (cá nhân/nhóm); trao đổi, chia sẻ (nội dung thể hiện, ý tưởng thực hành, tham khảo, học hỏi từ bạn bè,...), giúp HS làm quen với tự đánh giá và tham gia đánh giá trong thực hành.

+ Trong quá trình HS thực hành, sáng tạo sản phẩm và trao đổi, chia sẻ, GV cần quan sát, nắm bắt mức độ hiểu và thực hiện nhiệm vụ của HS để có thể hướng dẫn, trao đổi hoặc giải thích, gợi mở, hỗ trợ,... và giúp HS thực hiện tốt hơn. Đồng thời, GV sử dụng thông tin nắm bắt được làm căn cứ để đánh giá HS.

– Đối với hoạt động Cảm nhận, chia sẻ:

+ GV gợi mở nội dung HS trao đổi, chia sẻ cần vận dụng một số gợi ý trong SGK và kết hợp với sản phẩm cụ thể của HS (cá nhân/nhóm).

+ Nội dung gợi mở HS nêu/giới thiệu, chia sẻ, nhận xét,... cần chú ý đến kiến thức của bài học (môn học); qua đó, GV có thể nắm bắt được mức độ hiểu/nắm được nội dung bài học của HS và vận dụng vào đánh giá.

– Đối với hoạt động Vận dụng: Nội dung Vận dụng trong SGK nhằm gợi mở HS biết thêm ý tưởng thực hành, sáng tạo, liên hệ sử dụng sản phẩm kĩ thuật vào đời sống, không bắt buộc DH trên lớp. Tuy nhiên, căn cứ vào điều kiện thực tiễn, GV có thể tổ chức thực hiện nội dung này theo các hướng sau:

+ Hướng dẫn HS thực hiện trên lớp (nếu HS đã hoàn thành nhiệm vụ: Quan sát, nhận biết; Thực hành, sáng tạo; Cảm nhận, chia sẻ nhưng thời gian của tiết học vẫn còn).

+ Hướng dẫn HS thực hiện ở nhà (nếu HS thích và mong muốn thực hiện).

+ Tổ chức HS thực hiện vào buổi học 2/ngày.

+ Tổ chức HS thực hiện hoạt động trong câu lạc bộ ở trường,...

3.2. Một số lưu ý

3.2.1. Lập kế hoạch bài học/kế hoạch bài dạy

Kế hoạch bài dạy là kịch bản tổ chức DH của mỗi GV đối với đối tượng HS và nội dung DH cụ thể trong điều kiện, không gian và thời gian DH cụ thể,... Vì vậy, đây là sản phẩm cá nhân, cách trình bày giáo án (số cột dọc, độ dài/ngắn,...) tùy thuộc vào người soạn. Không có kế hoạch bài dạy mẫu sử dụng chung cho tất cả GV.

Bên cạnh đó, khi xây dựng/thiết kế các hoạt động DH, GV cần chú ý tới:

– Mục tiêu bài học: năng lực mỹ thuật (kiến thức, kỹ năng trọng tâm), năng lực chung, năng lực đặc thù khác và phẩm chất chủ yếu (nêu một số biểu hiện chính, phù hợp với nội dung bài học).

– Nội dung DH: cần xác định trọng tâm kiến thức của bài học (độ đậm, nhạt của màu; màu nóng, màu lạnh; mật độ của chấm, nét; không gian xa, gần,...).



Lưu ý: Các chủ đề: thiên nhiên, con người, con vật,... là “chất liệu/ngữ liệu” để khám phá, tìm hiểu, nhận biết kiến thức mỹ thuật và sử dụng kiến thức, kỹ năng để mô phỏng/tái hiện nội dung các chủ đề. Chủ đề của các bài học trong SGK Mỹ thuật 4 dựa trên định hướng trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Mỹ thuật; trong đó, chủ đề trọng tâm là đất nước, đồ dùng gia dụng.

– Thiết kế các hoạt động DH (quan sát, nhận biết; thực hành, sáng tạo, thảo luận; cảm nhận, chia sẻ, đánh giá,...) cần nhất quán với mục tiêu, nội dung DH của bài học. Với mỗi nhiệm vụ học tập, cần bảo đảm một số yêu cầu sau:

+ Giao nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, phù hợp với hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm (lớn, nhỏ); nội dung (tìm hiểu, khám phá, luyện tập, thực hành, chia sẻ, trao đổi,...); hình thức thực hành (vẽ, in, nặn, cắt, xé dán,... hoặc kết hợp); vật liệu, chất liệu (màu, đất nặn, giấy, bìa, vỏ hộp,...) và thời gian thực hiện (ít, nhiều, tiết 1, tiết 2,...);...

+ Tổ chức HS trình bày/chia sẻ, nhận xét câu trả lời, ý kiến của bạn và có thể bổ sung.

+ Tóm tắt, nhận xét câu trả lời, ý kiến của HS.

+ Tổng kết kiến thức, nội dung chính của hoạt động.

– Điều kiện DH tiên quyết: Xem xét các điều kiện về trường, lớp, sĩ số và khả năng chuẩn bị đồ dùng học tập, nhận thức của HS, nguồn vật liệu sẵn có ở địa phương,...

– Đánh giá: Vận dụng đánh giá thường xuyên (tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng) phù hợp với nội dung, thời điểm DH cụ thể.

3.2.2. Tổ chức dạy học

– Vai trò của GV: là người tổ chức hoạt động, giao nhiệm vụ, nhận xét, hướng dẫn cách thực hiện, thị phạm minh họa, giải thích, phân tích, gợi mở, khích lệ,

động viên HS, nắm bắt mức độ thực hiện nhiệm vụ và khả năng hoàn thành của HS, không nên áp đặt ý kiến của mình đối với HS; tôn trọng, khuyến khích HS chọn nội dung thể hiện, hình thức, vật liệu, hoạ phẩm,... thực hành, ý tưởng sáng tạo và những chia sẻ của HS.

– PPDH: linh hoạt vận dụng các phương pháp, kĩ thuật DH. Vận dụng DH tích hợp, DH mở phát huy tính chủ động, tích cực của HS và DH phân hoá.

– Hình thức tổ chức HS học tập: linh hoạt tổ chức HS học cá nhân và học nhóm phù hợp với nội dung, hoạt động cụ thể và điều kiện tổ chức DH (không gian, thời gian, vật liệu, hoạ phẩm,...).

– Thực hiện đánh giá: vận dụng các phương pháp khác nhau, phù hợp như: quan sát, phỏng vấn, phiếu học tập, bài tập cá nhân/nhóm, dự án học tập,...



Phần hai

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC CHỦ ĐỀ, BÀI HỌC

Chủ đề 1. **SỰ THÙ VỊ CỦA MÀU SẮC**

Bài 1 ĐẠM, NHẠT KHÁC NHAU CỦA MÀU (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực mỹ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt sau:

- Biết được màu sắc có độ đậm, nhạt khác nhau và cách tạo độ đậm, nhạt của màu, tạo sản phẩm theo ý thích; thấy được vẻ đẹp của hình ảnh trong tự nhiên, đời sống và sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật có các độ đậm, nhạt của màu.
- Tạo được độ đậm, nhạt của màu và sản phẩm theo ý thích; trao đổi, chia sẻ trong thực hành.
- Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm (nội dung, độ đậm, nhạt của màu,...) và trao đổi, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực chung và một số năng lực đặc thù khác như: ngôn ngữ, khoa học,... thông qua: trao đổi, chia sẻ; biết chuẩn bị đồ dùng và sử dụng được công cụ, họa phẩm,... phù hợp với hình thức thực hành tạo sản phẩm; biết được độ đậm, nhạt của màu có thể bắt gặp trong tự nhiên, đời sống xung quanh,...

3. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS đức tính chăm chỉ, lòng nhân ái, ý thức trách nhiệm,... thông qua một số biểu hiện như: có ý thức tìm hiểu vẻ đẹp của hình ảnh

trong tự nhiên, trong đời sống và trong sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, sản phẩm có độ đậm, nhạt của màu; tôn trọng sáng tạo của bạn bè và người khác, giữ vệ sinh trong và sau khi thực hành,...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

GV xem mục Chuẩn bị trong SGK Mỹ thuật 4, có thể thay đổi hoặc bổ sung nội dung để phù hợp với ý tưởng DH và điều kiện thực tiễn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

A. TỔ CHỨC KHỞI ĐỘNG

- GV tổ chức trò chơi khởi động tạo hứng thú cho HS: trò chơi “Thử bạn”.
- GV dùng hai bảng màu (hình tròn hoặc hình chữ nhật). Bảng 1 gồm 3 màu cơ bản, 3 màu thứ cấp; bảng 2 có 6 màu như bảng 1, nhưng mỗi màu có 4 độ đậm, nhạt khác nhau. GV gọi mở HS nhận ra sự giống và khác nhau giữa bảng 1 và bảng 2; giới thiệu bài học.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Quan sát, nhận biết (trang 5, 6 SGK)

a. Mục tiêu

HS biết được mỗi màu có nhiều độ đậm, nhạt khác nhau.

b. Gợi ý dạy học

- GV yêu cầu HS quan sát, trao đổi và cho biết độ đậm, nhạt của màu:
 - + Em hãy đọc tên các màu cơ bản, màu thứ cấp (đã học ở lớp 2, lớp 3).
 - + Em hãy nêu sự khác nhau về độ đậm, nhạt của các màu: xanh lam, tím, đỏ, da cam, vàng, xanh lá.
 - + Em hãy nêu các độ đậm, nhạt của màu vàng ở hình ảnh cái tù; các độ đậm, nhạt của màu xanh lam, màu đỏ, màu vàng ở sản phẩm *Con công*.
- GV mời HS trả lời, chia sẻ; HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tóm tắt câu trả lời, chia sẻ của HS và giới thiệu độ đậm, nhạt của mỗi màu ở hình ảnh.
- c. Gợi ý mở rộng
 - GV có thể/nên sử dụng bút màu hoặc gợi ý HS tìm các bút màu thể hiện độ đậm, nhạt của một màu.

– GV gọi mở HS quan sát, phát hiện độ đậm, nhạt của màu trong lớp học (trang phục, đồ dùng, bảng biểu, nền nhà, trên tường,...).

– GV có thể/nên sưu tầm hình ảnh trong cuộc sống và sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật thể hiện rõ độ đậm, nhạt của màu để giới thiệu, liên hệ mỹ thuật trong đời sống. Tóm tắt nội dung quan sát.

2. Thực hành, sáng tạo (trang 6, 7, 8 SGK)

GV có thể phân bổ nội dung bài học như sau:

Tiết 1	– Nhận biết: Độ đậm, nhạt của màu. – Thực hành: Tìm hiểu cách tạo độ đậm, nhạt của màu và vận dụng vào thực hành cá nhân.
Tiết 2	– Nhận biết: Cách vẽ tranh có độ đậm, nhạt của một màu, một số màu. – Thực hành: Tìm hiểu cách vẽ tranh có độ đậm, nhạt của một màu, một số màu và vận dụng vào thực hành, sáng tạo sản phẩm (cá nhân/nhóm) theo ý thích.

2.1. Hướng dẫn học sinh thực hành

a. Mục tiêu

HS nắm được cách tạo độ đậm, nhạt của màu; cách tạo sản phẩm có các độ đậm, nhạt của màu.

b. Gợi ý dạy học

– GV hướng dẫn HS quan sát và trả lời câu hỏi tương ứng với mỗi cách thực hành:

+ Em hãy giới thiệu tên màu và cách thực hành ở mỗi cách tạo độ đậm, nhạt của màu.

+ Bức tranh *Nhà cao tầng* có độ đậm, nhạt của màu nào? Em hãy nêu cách vẽ bức tranh này.

+ Bức tranh *Cá vàng* có độ đậm, nhạt của những màu nào? Em hãy nêu cách vẽ bức tranh này.

– GV mời HS trả lời, chia sẻ; HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét câu trả lời, chia sẻ, bổ sung của HS; hướng dẫn HS tạo độ đậm, nhạt của màu và sáng tạo sản phẩm.

– GV giới thiệu HS quan sát mục *Một số sản phẩm tham khảo* (trang 8 SGK), sản phẩm trong *Vở thực hành Mỹ thuật 4* và tác phẩm khác (nếu có).

Lưu ý:

– Tạo độ đậm, nhạt bằng cách kết hợp màu trắng với màu khác (ví dụ: màu đỏ) để giảm dần độ đậm của màu đỏ (màu đỏ).

– Tạo độ đậm, nhạt bằng cách kết hợp màu đen với màu khác (ví dụ: màu vàng) để tăng dần độ đậm của màu đỏ (màu vàng). Nếu trộn nhiều màu đen thì màu sau khi pha trộn sẽ thiên về sắc đen và độ đậm, nhạt của màu vàng sẽ không rõ ràng.

c. Gợi ý mở rộng

– GV có thể/nên mời HS tham gia và hướng dẫn HS cách vẽ các màu nhẹ tay, mạnh tay để tạo độ đậm, nhạt của mỗi màu.

– Nếu không có màu goát, GV có thể sử dụng màu sáp cho cả 3 cách tạo độ đậm, nhạt.

– GV có thể minh họa nhiều độ đậm, nhạt hơn so với minh họa trong SGK hoặc sử dụng đất nặn.

– GV có thể sử dụng cùng một màu (ví dụ: màu đỏ) minh họa với 3 cách.

– GV gợi mở HS có thể chọn hình ảnh để vẽ như: con cá, ngọn núi, cây cối, ngôi nhà,... và tạo độ đậm, nhạt của màu theo ý thích (2 hoặc 3, 4 màu).

– GV tóm tắt nội dung quan sát.

2.2 Tổ chức học sinh thực hành, sáng tạo

a. Mục tiêu

HS tạo được độ đậm, nhạt của màu và sáng tạo được sản phẩm về chủ đề theo ý thích.

b. Gợi ý dạy học

– GV bố trí HS ngồi theo nhóm (có thể tạo được sản phẩm cá nhân hoặc nhóm) và giao nhiệm vụ:

+ Thực hành: Tạo độ đậm, nhạt của màu (một màu, một số màu); sử dụng độ đậm, nhạt của màu để vẽ hình ảnh về chủ đề theo ý thích như: cây cối, ngôi nhà, hoa quả, đồ vật, con vật, đồi núi,...

+ Trao đổi, chia sẻ với bạn về ý tưởng thực hành của mình như: màu sắc được chọn để vẽ, hình ảnh thể hiện,...; tìm hiểu ý tưởng thực hành của bạn như: cách lựa chọn màu sắc, hình ảnh; cách thực hành, sử dụng sản phẩm vào đời sống;...

– GV quan sát HS thực hành, trao đổi để hướng dẫn, giải thích, gợi mở hoặc hỗ trợ HS (nếu cần) và vận dụng vào đánh giá thường xuyên.

c. Gợi ý mở rộng

– GV có thể hướng dẫn HS sử dụng giấy một mặt/giấy báo để thực hành.

– GV có thể gợi mở HS: chọn màu theo ý thích cho mỗi cách tạo độ đậm, nhạt hoặc chọn một màu để thực hành hai/ba cách tạo độ đậm, nhạt; có thể vẽ nhiều hoặc ít hình ảnh trên sản phẩm,...

– GV có thể tổ chức HS thực hành tạo sản phẩm nhóm, hướng dẫn HS sử dụng bút chì đen để tạo độ đậm, nhạt khác nhau.

3. Cảm nhận, chia sẻ (trang 9 SGK)

a. Mục tiêu

HS giới thiệu được sản phẩm; chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

b. Gợi ý dạy học

– GV hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm và quan sát, trao đổi, giới thiệu, chia sẻ:

+ Em hãy giới thiệu độ đậm, nhạt của một hoặc một số màu ở sản phẩm.

+ Em thích độ đậm, nhạt của màu nào ở sản phẩm của em hoặc của bạn?

+ Em thích sản phẩm, hình ảnh nào nhất? Vì sao?

– GV nhận xét, đánh giá nội dung trao đổi, chia sẻ,... và kết quả thực hành của HS.

c. Gợi ý mở rộng

– GV có thể hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm theo màu sắc thể hiện ở sản phẩm (màu vàng, màu xanh,...) hoặc theo chủ đề (con vật, ngôi nhà, cây cối,...).

– GV có thể gợi mở HS chia sẻ “kinh nghiệm” tạo độ đậm, nhạt trên sản phẩm của mình; bình chọn sản phẩm thể hiện độ đậm, nhạt rõ nhất,...

4. Vận dụng (trang 9 SGK)

a. Mục tiêu

HS tìm hiểu nội dung; chỉ ra độ đậm, nhạt của màu ở một số sản phẩm.

b. Gợi ý dạy học

– GV hướng dẫn HS quan sát và trả lời câu hỏi:

+ Em hãy giới thiệu hình ảnh ở mỗi sản phẩm.

+ Trên mỗi sản phẩm có độ đậm, nhạt của những màu nào?

+ Em hãy chỉ ra độ đậm nhất, đậm vừa và nhạt nhất ở hình minh hoạ độ đậm, nhạt bằng bút chì.

– GV tóm tắt nội dung chia sẻ của HS; tổng kết tiết học, bài học; hướng dẫn HS chuẩn bị Bài 2 (trang 10 SGK).

c. Gợi ý mở rộng

GV gợi mở HS có thể quan sát, tìm độ đậm, nhạt của màu trong thiên nhiên, đời sống,... và thực hành tạo thêm sản phẩm theo ý thích.





I. MỤC TIÊU

1. Năng lực mỹ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt sau:

– Biết được các màu nóng, màu lạnh và một số cách thực hành tạo sản phẩm đề tài phong cảnh quê hương; bước đầu tìm hiểu vẻ đẹp của một số phong cảnh thiên nhiên ở một số vùng miền và tác phẩm mỹ thuật có màu nóng, màu lạnh.

– Tạo được sản phẩm tranh phong cảnh bằng màu nóng, màu lạnh theo ý thích và trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

– Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm (nội dung, màu nóng, màu lạnh,...) và trao đổi, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực chung và năng lực đặc thù khác như: ngôn ngữ, khoa học,... thông qua: trao đổi, chia sẻ; chuẩn bị đồ dùng, sử dụng được công cụ, hoạ phẩm,... phù hợp với hình thức thực hành, tạo sản phẩm; biết được các màu nóng, màu lạnh có thể bắt gặp trong tự nhiên, trong đời sống,...

3. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS lòng yêu nước, đức tính chăm chỉ, lòng nhân ái, ý thức trách nhiệm,... thông qua một số biểu hiện như: yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ và tìm hiểu vẻ đẹp, giá trị của phong cảnh thiên nhiên trong đời sống; tôn trọng sáng tạo của bạn bè và người khác; giữ vệ sinh trong và sau khi thực hành,...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

GV xem mục Chuẩn bị trong SGK Mỹ thuật 4, có thể thay đổi hoặc bổ sung nội dung để phù hợp với ý tưởng DH và điều kiện thực tiễn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

A. TỔ CHỨC KHỞI ĐỘNG

GV vận dụng kỹ thuật DH “Tia chớp”. GV sử dụng hình ảnh: trời nắng, nước biển/hồ/sông, tuyết rơi,... để gợi mở HS chia sẻ về cảm giác nóng, lạnh, mát,... và đọc tên một số màu trên hình ảnh; giới thiệu bài học.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Quan sát, nhận biết (trang 10, 11 SGK)

a. Mục tiêu

HS biết và nêu được một số màu nóng, màu lạnh; bước đầu tìm hiểu vẻ đẹp của một số hình ảnh, tác phẩm mỹ thuật đề tài phong cảnh và liên hệ ở quê hương.

b. Gợi ý dạy học

– GV hướng dẫn HS quan sát, nhận biết màu nóng, màu lạnh ở vòng tròn màu sắc và cho biết: Những màu nào tạo cho em cảm giác nóng/ấm, mát/lạnh?

– GV mời HS trả lời, chia sẻ; HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV đánh giá nội dung chia sẻ, nhận xét, bổ sung của HS; giới thiệu các màu nóng, màu lạnh ở vòng tròn màu sắc và gợi mở HS tìm các màu đó ở trong lớp.

– GV hướng dẫn HS quan sát, tìm hiểu nội dung, nhận biết màu nóng, màu lạnh ở hình ảnh, tác phẩm mỹ thuật đề tài phong cảnh quê hương và cho biết:

+ Em hãy giới thiệu màu nóng, màu lạnh ở mỗi hình ảnh, tác phẩm mỹ thuật.

+ Hình ảnh, tác phẩm mỹ thuật nào có nhiều màu nóng/màu lạnh; kết hợp màu nóng và màu lạnh?

+ Em hãy giới thiệu một số hình ảnh có trong mỗi bức ảnh, tác phẩm mỹ thuật.

– GV mời HS trả lời, chia sẻ; HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV đánh giá nội dung trả lời, chia sẻ, nhận xét, bổ sung của HS; giới thiệu nội dung, màu sắc ở mỗi hình ảnh, tác phẩm mỹ thuật.

– GV giới thiệu thêm một số thông tin về tác giả/hoạ sĩ.

• **Hoạ sĩ Phạm Viết Hồng Lam (1946)**

– Tác phẩm *Cuối mùa hoa xoan* (2018) – tranh bột màu của hoạ sĩ Phạm Viết Hồng Lam được hoạ sĩ vẽ trên giấy dó, kích thước 60 x 80 cm. Phạm Viết Hồng Lam tốt nghiệp Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam năm 1976. Ông là một trong những hoạ sĩ

có nhiều tác phẩm mỹ thuật về đề tài nông thôn Việt Nam và thành công với chất liệu bột màu. Ông tham gia nhiều triển lãm trong và ngoài nước; có nhiều tác phẩm đạt giải thưởng cao và trưng bày trong các bảo tàng như: Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam; Bảo tàng Quân sự Việt Nam và trong các bộ sưu tập cá nhân của nước ngoài tại: Nhật Bản, Canada, Ấn Độ, Úc, Pháp, Đức, Thái Lan, Singapore,...

• **Hoạ sĩ Lưu Văn Sơn (1910 – 1983)**

– Tác phẩm *Cảnh nông thôn thanh bình* (1958) là tranh sơn dầu của hoạ sĩ Lưu Văn Sơn. Ông tốt nghiệp Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khoá 1931 – 1936. Ông là một trong những hoạ sĩ có nhiều tác phẩm mỹ thuật về đề tài miền núi và thành công với chất liệu sơn dầu. Tác phẩm này và nhiều tác phẩm khác của ông được trưng bày và lưu giữ ở Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam.

– GV tóm tắt nội dung quan sát và tổng hợp kiến thức.

c. Gợi ý mở rộng

– GV có thể giới thiệu thêm hình ảnh, sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật thể hiện phong cảnh ở địa phương hoặc vùng miền khác.

– GV có thể gợi mở HS giới thiệu phong cảnh yêu thích ở địa phương. Tóm tắt nội dung quan sát.

2. Thực hành, sáng tạo (trang 11, 12 SGK)

GV có thể phân bố nội dung bài học như sau:

Tiết 1	– Nhận biết: Màu nóng, màu lạnh. – Thực hành: Tìm hiểu cách tạo sản phẩm tranh đề tài phong cảnh quê hương bằng màu nóng, màu lạnh và vận dụng vào thực hành cá nhân.
Tiết 2	– Nhận biết: Nhắc lại nội dung chính ở tiết 1. – Thực hành: Tạo sản phẩm tranh đề tài phong cảnh quê hương bằng màu nóng/màu lạnh (hoặc kết hợp màu nóng và màu lạnh).

– Thực hành tạo sản phẩm nhóm: Tạo sản phẩm tranh đề tài phong cảnh quê hương bằng màu nóng/màu lạnh (hoặc kết hợp màu nóng và màu lạnh).

– Nếu có màu goát và điều kiện cho phép, GV nên tổ chức HS sử dụng màu này để thực hành, tạo sản phẩm cá nhân/nhóm.

– Thực hành tạo sản phẩm tranh phong cảnh bằng màu nóng, màu lạnh.

2.1. Hướng dẫn học sinh thực hành

a. Mục tiêu

HS nắm được cách in, cách vẽ tạo sản phẩm tranh đề tài phong cảnh quê hương.

b. Gợi ý dạy học

– GV hướng dẫn HS quan sát, tìm hiểu nội dung, cách thực hành tạo sản phẩm bằng hình thức vẽ, in và cho biết:

+ Bức tranh in phong cảnh sử dụng màu nóng hay màu lạnh? Đó là những màu nào? Trong bức tranh có những hình ảnh nào? Em hãy nêu các bước thực hành sáng tạo bức tranh này.

+ Bức tranh ngôi đình quê em sử dụng nhiều màu nóng hay màu lạnh? Trong bức tranh có những hình ảnh, chi tiết nào? Em hãy nêu các bước thực hành sáng tạo bức tranh này.

– GV mời HS trả lời, chia sẻ; HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV đánh giá nội dung chia sẻ, nhận xét, bổ sung của HS; hướng dẫn thực hành.

– GV giới thiệu HS quan sát mục *Một số sản phẩm tham khảo* (trang 12 SGK) và sản phẩm, tác phẩm khác (nếu có).

Lưu ý:

– Cách in tranh vườn cây: GV nhắc HS khi vẽ màu lên khuôn hình cây cắt từ giấy bìa (hoặc giấy một mặt) nên có độ đậm, nhạt khác nhau và phù hợp với các bộ phận: thân, cành, lá thấp, lá cao,...

– Cách vẽ tranh ngôi đình: Đề tạo độ đậm, nhạt có thể chồng/kết hợp hai màu với nhau hoặc tay cầm bút vẽ ấn lực mạnh tay, lúc nhẹ tay.

– GV nhắc HS: Sản phẩm chủ yếu là phong cảnh thiên nhiên (cây cối, ngôi nhà, sông, đồi núi,...) nhưng có thể có thêm hình ảnh con người.

c. Gợi ý mở rộng

– GV hướng dẫn HS có thể kết hợp vẽ với in hoặc vẽ với xé, dán,...

– GV gợi mở HS có thể sử dụng giấy màu, giấy báo, giấy tạp chí, tờ lịch, đất nặn,... để tạo sản phẩm.

2.2. Tổ chức học sinh thực hành, sáng tạo

a. Mục tiêu

HS tạo được sản phẩm tranh đề tài phong cảnh quê hương bằng cách thực hành theo ý thích.

b. Gợi ý dạy học

– GV bố trí HS ngồi theo nhóm (có thể tạo sản phẩm cá nhân hoặc nhóm) và giao nhiệm vụ:

+ Thực hành: Vẽ hoặc in, xé, dán, nặn tạo sản phẩm tranh đề tài phong cảnh quê hương bằng màu nóng/màu lạnh hoặc kết hợp màu nóng và màu lạnh.

+ Trao đổi, chia sẻ với bạn trong nhóm/bên cạnh về ý tưởng thực hành của mình như: hình ảnh thể hiện ở sản phẩm, sử dụng màu nóng/màu lạnh/kết hợp màu nóng, màu lạnh,...; tìm hiểu ý tưởng thực hành của bạn như: cách thực hành, lựa chọn màu sắc,...

– GV quan sát HS thực hành, trao đổi để hướng dẫn, giải thích, gợi mở hoặc hỗ trợ HS (nếu cần) và vận dụng vào đánh giá thường xuyên.

– GV quan sát, đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ của HS.

c. Gợi ý mở rộng

– GV có thể sưu tầm, giới thiệu sản phẩm, tác phẩm thể hiện hình ảnh phong cảnh có ở địa phương.

– GV gợi ý HS có thể tạo sản phẩm thể hiện phong cảnh đặc trưng ở địa phương như: di tích lịch sử, văn hoá; đồi núi; con đường; dòng sông; bãi biển; bản làng; thôn, xóm, khu phố,...

3. Cảm nhận, chia sẻ (trang 13 SGK)

a. Mục tiêu

HS giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm.

b. Gợi ý dạy học

– GV hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm và trả lời câu hỏi:

+ Em hãy giới thiệu tên sản phẩm và một số hình ảnh có ở sản phẩm.

+ Em hãy đọc tên một số màu nóng/màu lạnh có trong sản phẩm của em/nhóm em.

+ Em thích sản phẩm của bạn/nhóm nào? Sản phẩm đó có những màu nóng/màu lạnh nào?

– GV mời HS trả lời, chia sẻ; HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hành, trao đổi, chia sẻ, bổ sung của HS.